

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2018/HS - ST

Ngày 15 - 01 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đặng Thị Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Lò Văn Ôn

Ông: Lò Văn Hải

- Thư ký phiên toà: Ông Lương Văn Đoản - Thư ký Toà án nhân dân huyện Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Bà Thiều Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 56/2017/TLST-HS ngày 19 tháng 12 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2018/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lò Văn P. Tên gọi khác: Không; sinh năm 1982.

Tại: Điện Biên.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội 13, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lò Văn L và con bà: Lò Thị G; vợ: Tòng Thị T và 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 20/10/2017 đến ngày 18/12/2017 thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cho bảo lãnh. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

- Bị hại:

+ Anh Lò Văn Đ, sinh năm 1974.

+ Chị Lò Thị T, sinh năm 1977.

Đều cư trú: Bản T, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Anh Đ; chị T đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Người làm chứng*: Chị Tòng Thị L, sinh năm 1988

Nơi cư trú tại: Bản N, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào giữa tháng 9 năm 2016, Lò Văn P gặp chị Lò Thị T, qua nói chuyện chị T đã nhờ P xin việc cho cháu Lò Thị P là con của chị T mới tốt nghiệp trường Cao đẳng sư phạm Điện Biên vào làm việc tại cơ quan nhà nước. Do P xem trên mạng xã hội thấy Phòng Giáo dục huyện Mường Chà đăng tin tuyển giáo viên. P biết là thông tin đó đăng trên mạng là không đúng sự thật và P cũng không quen biết ai có thể xin được việc nhưng do không có tiền tiêu sài cá nhân nên P đã nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền của chị T nhờ xin việc cho cháu P. P đã gọi điện cho chị T báo gia đình chuyển cho P 120.000.000 đồng là chi phí xin việc cho cháu P.

Ngày 03/11/2016, P đến nhà chị T thống nhất chuyện xin việc cho cháu P, do sợ gia đình chị T không tin tưởng nên P đã tự đưa ra một mức tiền cụ thể rồi nói với chị T là số tiền 120.000.000 đồng thì cháu P sẽ phải đi làm xa nhà, còn nếu với mức 150.000.000 đồng thì cháu P sẽ được làm ở gần nhà và hứa hẹn với gia đình chị T sẽ xin được việc và sẽ có quyết định đi làm vào ngày 30/12/2016. Cùng ngày tại nhà chị T, P đã nhận của gia đình chị T 105.000.000 đồng, số tiền 15.000.000 đồng còn lại chị T sẽ đưa cho P sau và thỏa thuận ghi vào biên bản giao, nhận tiền như đã thống nhất là 120.000.000 đồng, P, chị T, anh Lò Văn Đ (là chồng chị T) và chị Tòng Thị L (là chị dâu họ của P) chứng kiến cùng ký tên trong biên bản. Chiều ngày 08/11/2016, tại ngã ba đường đi Nà Nhạn và Pá Khoang, chị T đã giao nốt cho P số tiền 15.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền của gia đình chị T, P đã không xin việc như đã hứa mà tiêu xài hết số tiền 120.000.000 đồng.

Ngày 17/10/2017, cơ quan điều tra Công an huyện Điện Biên đã tiếp nhận đơn trình báo của anh Lò Văn Đ về việc P lừa đảo chiếm đoạt số tiền 120.000.000 đồng và đã giao nộp 01 biên bản giao nhận tiền giữa Lò Văn Đ với Lò Văn P, nội dung có ghi xin việc cho cháu Lò Thị P làm tại phòng giáo dục huyện Mường Chà.

Tại bản kết luận giám định số 86/GĐ -PC54 ngày 14/11/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên đã kết luận: Chữ ký, chữ viết đúng tên Lò Văn P trên "Biên bản giao tiền" đề ngày 03/11/2016 dưới mục "đại diện bên nhận" và chữ ký, chữ viết trên hai "bản tự khai" đề ngày 23/10/2017 là do cùng một người ký và viết ra.

Tại bản Cáo trạng số 04/QĐ -VKS - HS ngày 18/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên đã truy tố bị cáo Lò Văn P về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo điểm e Khoản 2 Điều 139/BLHS năm 1999

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*". Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e Khoản 2 Điều 139/BLHS năm 1999; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65/BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Lò Văn P từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo là 60 tháng. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên giám sát giáo dục.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc người bị hại không yêu cầu Tòa án giải quyết về trách nhiệm dân sự. Áp dụng Khoản 2 Điều 136/BLTTHS năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Người bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt và không đề nghị Tòa án giải quyết về trách nhiệm dân sự. Về trách nhiệm hình sự, những người bị hại đều có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo không có ý kiến gì tranh luận, hoàn toàn nhất trí với bản Cáo trạng và lời luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Điện Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã xuất trình những chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo, bị hại không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo Lò Văn P có mối quan hệ họ hàng với gia đình anh Lò Văn Đ và chị Lò Thị T. Anh Đ và chị T có nguyện vọng và nhờ bị cáo xin việc cho con gái là cháu Lò Thị P đi làm. Khi đọc được trên

mạng xã hội thấy thông tin tuyển dụng giáo viên của Phòng giáo dục huyện Mường Chà, biết tin đó là không đúng sự thật, bị cáo không thể xin được việc và cũng không quen biết ai có thể xin được việc nhưng vì mong muốn có tiền tiêu sài, bị cáo đã nảy sinh ý định gian dối nói với chị T về thông tin tuyển dụng mà bị cáo thấy trên mạng xã hội và việc bị cáo có thể xin được việc cho cháu P nhằm chiếm đoạt số tiền xin việc cho cháu P. Để tạo sự tin tưởng ngày 06/11/2016, bị cáo đã gặp gỡ anh Đ, chị T để trao đổi chuyện xin việc và viết biên bản giao tiền với anh Đ, chị T có sự chứng kiến của chị Tòng Thị Lả và hẹn đến ngày 30/12/2016 cháu Phụng được đi làm. Hành vi gian dối của bị cáo làm cho anh Đ và chị T tin tưởng rằng bị cáo có khả năng xin được việc cho con mình nên đã giao cho bị cáo số tiền 120.000.000 đồng. Bị cáo đã nhận được tài sản của anh Đ, chị T và tiêu sài hết. Hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt của bị cáo đã hoàn thành, giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 120.000.000 đồng thì hành vi đó của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" với tình tiết định khung được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139/BLHS năm 1999.

[2.1] Tại thời điểm xét xử Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 đã có hiệu lực pháp luật, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo được thực hiện trước 0 giờ ngày 01 tháng 01 năm 2018. So với quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174/BLHS năm 2015 thì không có lợi cho bị cáo. Vì vậy theo quy định tại khoản 3 Điều 7/BLHS năm 2015; Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017, Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009 để xét xử đối với hành vi phạm tội của bị cáo.

[2.2] Bản cáo trạng truy tố bị cáo của Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo là người có đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của mình.

[3] Xét về tính chất mức độ do hành vi của bị cáo gây ra thấy rằng: Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo đã làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, an toàn trong xã hội, đồng thời hành vi đó đã xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, sau khi thực hiện hành vi phạm tội, ngày 17 tháng 10 năm 2017 bị cáo đã tự nguyện sửa chữa bồi thường trả lại toàn bộ số tiền 120.000.000 đồng cho người bị hại, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p, s khoản 1 Điều 51/BLHS năm 2015. Người bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có bố vợ là ông Tòng Văn Sương đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51/BLHS năm 2015.

[5] Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xử phạt bị cáo Lò Văn P từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối

với bị cáo là 60 tháng. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng và được chính quyền địa phương xác nhận ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú. Bị cáo có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Căn cứ vào nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, theo hướng dẫn tại Điều 2 Nghị quyết 01/2013/NQ -HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC, HĐXX xét thấy bị cáo có đủ điều kiện để áp dụng Điều 65/BLHS năm 2015 áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo để bị cáo có điều kiện được tự cải tạo, tu dưỡng rèn luyện tại địa phương cũng đủ để giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Theo quy định tại Khoản 5 Điều 139/BLHS năm 1999 bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc công việc nhất định từ một năm đến năm năm, tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy nghề nghiệp của bị cáo là công nhân, hiện nay đã nghỉ việc. Điều kiện kinh tế khó khăn, tài sản riêng không có gì nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Ngày 17 tháng 10 năm 2017 bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền 120.000.000 đồng cho người bị hại. Người bị hại không yêu cầu Tòa án giải quyết về trách nhiệm dân sự. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136/BLTTHS năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm e khoản 2 Điều 139/BLHS năm 1999. Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Khoản 1, Khoản 2 Điều 65/BLHS năm 2015 đã được sửa đổi năm 2017.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lò Văn P phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*"

2. Xử phạt bị cáo Lò Văn P 03 (Ba) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm, thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là ngày tuyên án sơ thẩm ngày 15/01/2018.

Giao bị cáo Lò Văn P cho Ủy ban nhân dân xã Thanh H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Thanh H trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trường hợp trong thời gian thử thách bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136/BLTTHS năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Lò Văn P phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/01/2018). Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND cùng cấp;
- Phòng HSNV CA tỉnh Điện Biên;
- Công an;
- Nhà tạm giữ;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Chi cục T.H.A Dân sự;
- Sở Tư pháp;
- UBND xã Thanh Hưng;
- T.H.A HS;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Thùy Dương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

HỘI THẨM NHÂN DÂN

Lò Văn Ôn

Đặng Thị Thùy Dương

Lò Văn Hải

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND cùng cấp;
- Phòng HSNV CA tỉnh Điện Biên;
- Công an;
- Nhà tạm giữ;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Chi cục T.H.A Dân sự;
- Sở Tư pháp;
- UBND xã Thanh Hưng;
- T.H.A HS;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đặng Thị Thùy Dương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA HỘI THẨM NHÂN DÂN

Lý A Nở

Đặng Thị Thùy Dương

Lò Văn Thương

